

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2022/HNGĐ- ST**

Ngày: 19/5/2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Phương**.

Ông Giàng A Khá.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Tiến Trường**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40A/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị M**; sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Bản M, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn K**; sinh năm: 1993;

Nơi ĐKKHKT: Bản M, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

(Hiện đang chấp hành án tại: Đội 22, Phân trại I, Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên), vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Quàng Thị M trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Quàng Thị M và anh Quàng Văn K có đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào ngày 29/10/2014, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, vợ chồng bắt

đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại hoà giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó anh K bị Công an bắt và bị Tòa án xử phạt 15 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay anh K đang chấp hành án tại: Phân trại số: 01, Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ các mâu thuẫn trên chị M làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quàng Văn K.

2. Về con chung: Chị Quàng Thị M và anh Quàng Văn K có 02 con chung là cháu Quàng Kiếm L; sinh ngày 20/5/2013 và cháu Quàng Yên N; sinh ngày 25/02/2017. Quan điểm của chị M, con chung sẽ do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị M khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị M cho anh Quàng Văn K biết để anh K thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại bản tự khai đề ngày 02 tháng 5 năm 2022 và trong đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Quàng Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh K và chị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 29/10/2014, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại hoà giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó anh K bị Công an bắt và bị Tòa án xử phạt 15 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện nay anh K đang chấp hành án tại: Phân trại số: 01, Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. nay chị M làm đơn xin ly hôn. Quan điểm của anh K đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh K và chị M có 02 con chung là cháu Quàng Kiếm L; sinh ngày 20/5/2013 và cháu Quàng Yên N; sinh ngày 25/02/2017. Hiện tại hai cháu đang ở với bố mẹ anh K nuôi dưỡng, nếu hai cháu muốn ở với chị M là do hai cháu. Nhưng hai cháu muốn ở với bố mẹ anh K thì anh K có nguyện vọng mong Tòa án giải quyết cho hai cháu được ở với bố mẹ anh K. Sau khi hết được mãn hạn tù trở về địa phương sinh sống

nếu các con có nguyện vọng ở với anh K, anh K muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh K khai không có.

Hiện anh K đang chấp hành hình phạt tù trong Trại giam nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Quàng Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quàng Văn K và giải quyết quan hệ con chung theo nội dung đơn xin ly hôn chị M đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Quàng Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quàng Văn K. Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Anh K hiện nay đang chấp hành án tại Phân trại số: 01, Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, trước khi bị bắt anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Bản M, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn đang chấp hành án trong trại giam nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Quàng Thị M và anh Quàng Văn K kết hôn vào ngày 29/10/2014 tại UBND xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, Anh chị kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên quan hệ giữa chị M và anh K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Đến năm 2016 thì phát sinh Nều mâu thuẫn. Sau đó anh K bị Công an bắt và bị Tòa án xử phạt 15 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", hiện nay đang

chấp hành án tại Phân trại số: 01, Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2022 anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và bản thân lại đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, không có điều kiện chăm sóc gia đình, anh K không làm tròn trách Nệm của người chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị M.

[2.2] Xét về con chung: Anh K và chị M có 02 con chung là cháu Quàng Kiếm L; sinh ngày 20/5/2013 và cháu Quàng Yến N; sinh ngày 25/02/2017. Chị M có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh K đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, anh K không thể có điều kiện nuôi dưỡng các cháu Quàng Kiếm L và Quàng Yến N được, bản thân cháu Kiếm L có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị M. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao các con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hiện tại anh K đang chấp hành án không có khả năng cấp dưỡng nên HĐXX chấp nhận việc chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004942 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Quàng Thị M với anh Quàng Văn K.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Quàng Kiêm L; sinh ngày 20/5/2013 và cháu Quàng Yến N; sinh ngày 25/02/2017 cho chị Quàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng; Không có.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004942 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Quàng Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Quàng Văn K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã N H, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan